TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2017
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Triển.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Công Lợi.

2. Ông Trần Văn Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 110/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh T - Sinh năm 1990 - Địa chỉ: Tổ 6 ấp B, xã H, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trương Văn M - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: ấp 5, xã Q, huyện D, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2017, các văn bản tiếp theo nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh T trình bày và yêu cầu: Bà và ông Trương Văn M cưới nhau vào tháng 12 năm 2009, sau đó đăng ký lại việc kết hôn vào ngày 10/12/2009 (giấy chứng nhận kết hôn số 238/2009 ngày 14/12/2009) tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gỗ với nhau dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Ông M thường xuyên tụ tập bạn bè cờ bạc. Bà và ông M đã ly thân từ tháng 9/2015 cho đến nay và mối quan hệ vợ chồng chấm dứt.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn M.

Về nuôi con chung: Bà và ông M có 01 con chung tên Trương Huỳnh Thảo V, sinh ngày 07/5/2011, hiện đang sống chung bà T. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn bà T, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/8/2017, bà T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn M, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Huỳnh Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trương Văn M có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại ấp 5, xã Q, huyện D, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Ông Trương Văn M được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông M không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông M không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa vì ông đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Bà T và ông M chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12 năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2009 (giấy chứng nhận kết hôn số 238/2009 ngày 14/12/2009) tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân của bà T và ông M là quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn theo luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và năm 2014. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên bà T và ông M sống ly thân với nhau từ tháng 9/2015 đến nay.

[4] Xét việc bà T yêu cầu ly hôn với ông M: Bà T và ông M có mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ giữa năm 2015 là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, gây gỗ thường xuyên dẫn đến mất hạnh phúc gia đình, ông M thường xuyên tụ tập bạn bè chơi cờ bạc nên không sống chung với nhau được phải sống ly thân từ tháng 9/2015 cho đến nay và mối quan hệ vợ chồng chấm dứt, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông M đã trầm trọng cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông M là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Về nuôi con chung: Xét thấy cháu Trương Huỳnh Thảo V, sinh ngày 07/5/2011, hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp. Vì từ khi ly thân đến nay cháu V do bà T nuôi dưỡng, chăm sóc và hiện đang sống với bà T. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông M cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án xét thấy: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông M không chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thanh T được ly hôn với ông Trương Văn M.

2. Về nôi con chung: Giao con chung Trương Huỳnh Thảo V, sinh ngày 07/5/2011, hiện đang sống với bà T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện đang sống chung bà T. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông M được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông M và bà T có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi

con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp (biên lai thu số 0007929 ngày 20/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- UBND xã H (để biết)
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Triến